

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1183/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25- 09-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mai Thị Tám
- Ông Lê Văn Rồi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: không có.

Ngày 25 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 679/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11/06/2025, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 519/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 375/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2004; căn cước công dân số: 079304024112 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021; nơi thường trú: Đường F, ấp C, xã C (xã T, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phan Quý Đ, sinh ngày 23 tháng 03 năm 1994; căn cước công dân số: 079094007486 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022; nơi thường trú: số C đường L, ấp B, xã C (xã T, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 17 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng gần đây nguyên đơn và bị đơn phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bị đơn không lo lắng cho vợ con, không chịu đi làm, chỉ ở nhà chơi điện thoại và không

quan tâm tới vợ con. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Phan Thiên Ý, sinh ngày 15 tháng 08 năm 2024. Nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo biên bản phiên họp ngày 22 tháng 08 năm 2025. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại ở Tòa án năm 2025 thì việc bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu ly hôn với ông Phan Quý Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 17 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim C và ông Phan Quý Đ là hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng. Tòa án đã nhiều lần động viên nguyên đơn hàn gắn tình cảm nhưng nguyên đơn từ chối; bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để hòa giải; tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ nguyên đơn và bị đơn không còn tha thiết với việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, để trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, các bên phải quý trọng, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung trong cuộc sống, tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 351 ngày 27 tháng 08 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Phan Thiên Ý, sinh ngày 15 tháng 08 năm 2024.

Xét yêu cầu nuôi con của nguyên đơn: Xét thấy, trẻ Phan Thiên Ý chưa tròn hai tuổi, là độ tuổi còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc đặc biệt từ người mẹ nên việc nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện và ý chí của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại ở Tòa án năm 2025;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Phan Quý Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 17 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) hết hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Phan Thiên Ý, sinh ngày 15 tháng 08 năm 2024 cho bà Nguyễn Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng nuôi con các đương sự tự thỏa thuận.

Ông Phan Quý Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội Liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0064778 ngày 09 tháng 06 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8-TP. Hồ Chí Minh;
- THA DS TP. Hồ Chí Minh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Hoài